



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC

BÊN MUA:.....

ĐỊA CHỈ:.....

DIỆN THOẠI:.....

MÃ SỐ KHÁCH HÀNG

--	--	--	--	--	--

MÃ SỐ ĐIỂM DỪNG

--	--	--	--	--	--

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỦY LONG

H *UB*

Cụm Công nghiệp Vũ Ninh - Xã Vũ Ninh - Huyện Kiến Xương - Tỉnh Thái Bình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ CẤP NƯỚC
Số:...../HDCN

- Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch. Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của BXD về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của nghị định số 117/2007;
- Căn cứ quyết định số 12/2012/QĐ - UBND ngày 02/08/2012 của UBND tỉnh Thái Bình; Ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn, tỉnh Thái Bình;
- Căn cứ vào đơn đề nghị sử dụng dịch vụ cấp nước và cam kết của khách hàng;
- Căn cứ vào nhu cầu và thỏa thuận được thống nhất của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm Tại văn phòng Công ty cổ phần phát triển Thủy Long.

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Vũ Ninh, xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Chúng tôi gồm:

I. Bên cung cấp dịch vụ (gọi tắt là bên A):

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỦY LONG

Đại diện: Ông **Phạm Văn Cầu**

Chức vụ : **Giám đốc**

Địa chỉ: Lô diện tích 7.333,4 m², Cụm Công nghiệp Vũ Ninh, xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Mã số thuế: 1000898360

Số điện thoại/Fax: 02273.822.559 - Email: thuylongtb@gmail.com

Số tài khoản: 100000787528 - Ngân hàng TMCP Quốc Dân, chi nhánh Thái Bình.

II. Khách hàng sử dụng nước (gọi tắt là bên B):

KHÁCH HÀNG (hoặc tên cơ quan):.....

Người được ủy quyền:.....

Sinh năm: Số CMT: Cấp ngày:/...../..... Nơi cấp:

Mã số doanh nghiệp..... Cấp ngày:...../...../..... Nơi cấp:.....

Nơi thường trú (Trụ sở cơ quan):.....

Địa chỉ mua nước:

Số tài khoản: Mở tại:.....

Mã số thuế: Điện thoại: Di động:

Hai bên cùng nhau thỏa thuận thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ cung cấp nước với các điều khoản và nội dung như sau:

Điều 1: Đối tượng của hợp đồng

Bên A cung cấp, Bên B sử dụng nước sạch theo quy định của pháp luật, phù hợp với khả năng cung cấp của hệ thống nước hiện hữu.

Điều 2: Điều kiện chất lượng dịch vụ

2.1 Lượng nước cung cấp đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của bên B;

2.2 Chất lượng nước đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh nước sinh hoạt theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tại từng thời điểm.

Điều 3: Giá nước

3.1 Giá bán nước sạch cho mục đích sinh hoạt được thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt tại thời điểm;

3.2 Giá bán nước sạch cho các mục đích sử dụng khác được thực hiện theo Quyết định giá của Công ty trên cơ sở nhân hệ số đã được các ngành chức năng quy định.

Điều 4: Phương thức thanh toán

4.1 Thanh toán theo chỉ số đo đếm trên đồng hồ được ghi định kỳ hàng tháng. Đồng tiền thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng (chuyển khoản, uỷ nhiệm chi, séc, tiền mặt);

4.2 Bên B phải thanh toán tiền nước và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt hàng tháng theo quy định của UBND tỉnh (nếu có). Trường hợp bên B chưa thanh toán kịp thời tại các điểm thu theo quy định thì phải trực tiếp đến thanh toán tại Văn phòng công ty (*chậm nhất trong 5 ngày tính từ ngày thu tiền theo lịch định kỳ hoặc ngày nhận thông báo*).

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của bên A

5.1 Bên A có các quyền sau:

5.1.1 Hoạt động kinh doanh cấp nước theo các quy định;

5.1.2 Được phép kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc sử dụng nước, cụm đầu nối đồng hồ đo đếm và thực hiện các điều khoản trong hợp đồng của bên B;

5.1.3 Yêu cầu bên B thanh toán tiền nước và các phí liên quan khác đúng thời hạn quy định;

5.1.4 Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến hoạt động cấp nước;

5.1.5 Được quyền tham gia ý kiến vào việc lập quy hoạch cấp nước trên địa bàn;

5.1.6 Được bồi thường thiệt hại do khách hàng sử dụng nước gây ra theo quy định của pháp luật và quy định công ty;

5.1.7 Đơn phương chấm dứt hợp đồng do bên B sử dụng đầu nối nước sai quy định hoặc vi phạm các điều khoản của hợp đồng;

5.1.8 Được thu của bên B số tiền đóng góp ban đầu để ký hợp đồng sử dụng nước (*số tiền thu được thể hiện trên phiếu thu*);

5.1.9 Thu tiền phí dịch chuyển cụm đồng hồ do bên B đề nghị, mức thu căn cứ các chi phí thực tế;

5.1.10 Trong 01(một) tháng bên A được thu của bên B phí duy trì đường ống, mức phí tối thiểu tương ứng là 04 m³ nước /tháng;

5.1.11 Tháo cụm đồng hồ đã lắp cho bên B để kiểm tra kỹ thuật, quản lý và giải quyết nội dung vi phạm.

5.2 Bên A có các nghĩa vụ:

5.2.1 Tuân thủ các quy trình, quy phạm vận hành hệ thống cấp nước;

M *wb*

5.2.2 Xử lý sự cố, khôi phục việc cấp nước trong phạm vi bên A quản lý;

5.2.3 Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, yêu cầu của bên B về các vấn đề liên quan đến mua, bán, sử dụng nước máy đã được thoả thuận tại hợp đồng và các quy định hiện hành.

5.2.4 Thông báo lịch ghi, đọc đồng hồ, thu tiền nước hàng tháng cho bên B. Phải ghi đúng chỉ số và xác định đúng lượng nước đã sử dụng của bên B;

5.2.5 Trong trường hợp phải tạm ngừng cấp nước để sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ (*trừ trường hợp xảy ra sự cố đột xuất trên hệ thống cấp nước*) phải thông báo kịp thời cho bên B để có biện pháp dự trữ nước trong thời gian khôi phục dịch vụ cấp nước;

5.2.6 Bảo đảm cung cấp dịch vụ cấp nước cho khách hàng, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ theo quy định;

5.2.7 Thông báo, niêm yết công khai các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định của bên A tại văn phòng Công ty;

5.2.8 Lắp đặt đường ống nước và đấu nối cụm đồng hồ đến công, chân tường rào bên B;

5.2.9 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của bên B

6.1 Bên B có các quyền sau:

6.1.1 Được cung cấp đầy đủ kịp thời về số lượng, bảo đảm về chất lượng dịch vụ đã nêu trong hợp đồng;

6.1.2 Yêu cầu đơn vị cấp nước kịp thời khôi phục việc cấp nước khi có sự cố;

6.1.3 Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động cấp nước;

6.1.4 Yêu cầu đơn vị cấp nước kiểm tra chất lượng dịch vụ, tính chính xác của thiết bị;

6.1.5 Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về cấp nước của đơn vị cấp nước hoặc các bên liên quan.

6.2 Bên B có các nghĩa vụ sau:

6.2.1 Thanh toán đầy đủ tiền nước, đúng thời hạn và thực hiện các thoả thuận khác trong hợp đồng dịch vụ cấp nước;

6.2.2 Sử dụng nước tiết kiệm và đúng theo mục đích đã đăng ký. Khi có thay đổi về mục đích sử dụng nước phải thông báo cho bên A để điều chỉnh lại giá theo quy định. Trường hợp không thông báo bên A, bên A phát hiện việc dùng nước không đúng quy định, bên A có quyền tự tính đơn giá theo quy định;

6.2.3 Chỉ được dùng nước qua đồng hồ bên A đã lắp đặt. Không được đấu nối sử dụng gian lận lượng nước bằng bất kỳ hình thức nào;

6.2.4 Tạo điều kiện cho bên A ghi chỉ số đồng hồ đo nước, kiểm tra đường ống dẫn nước trước và sau đồng hồ, vật tư phụ kiện cấp nước liên quan đến cụm đồng hồ;

6.2.5 Không cho hộ gia đình khác đấu nối sử dụng nước chung khi không được sự đồng ý của bên A;

6.2.6 Thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước khi phát hiện những bất thường có thể gây mất nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản;

6.2.7 Bồi thường khi gây thiệt hại cho đơn vị cấp nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật và quy định của công ty;

6.2.8 Định kỳ tối thiểu 06 tháng một lần súc rửa vệ sinh các thiết bị, bể, téc chứa nước của gia đình;

6.2.9 Nộp số tiền đóng góp ban đầu để ký hợp đồng sử dụng nước cho bên A;

(Số tiền nộp được ghi trong nội dung phiếu thu). Khi không có nhu cầu sử dụng dịch vụ cung cấp nước của bên A, không được lấy lại số tiền đã nộp;

6.2.10 Trong 01(một) tháng bên B thanh toán cho bên A phí duy trì đường ống, mức phí tối thiểu tương ứng là 04 m³ nước /tháng;

6.2.11 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7: Sửa đổi hợp đồng

7.1 Khi có mẫu hợp đồng mới được sửa đổi so với mẫu đang thực hiện, bên A có trách nhiệm thực hiện việc ký kết lại hợp đồng bên B;

7.2 Quá trình thực hiện hợp đồng cần thiết thay đổi hoặc bổ sung điều khoản hợp đồng cho phù hợp tình hình thực tế thì hai bên thỏa thuận và ký bổ sung phụ lục hợp đồng, phụ lục hợp đồng có giá trị như hợp đồng;

7.3 Khi bên B bán nhà, đất tại địa chỉ mua nước hoặc có thay đổi về người đại diện đứng tên trong hợp đồng thì người sử dụng tiếp theo phải làm thủ tục ký kết lại hợp đồng với bên A tại Văn phòng công ty trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chuyển giao hoặc có thay đổi công ty không tính phí;

7.4 Nếu một trong hai bên có thông báo hoặc đề nghị bằng văn bản về thay đổi, bổ sung các thông tin khác có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng thì hai bên thỏa thuận bằng biên bản, phụ lục hợp đồng hoặc ký kết lại hợp đồng;

7.5 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Chấm dứt hợp đồng

8.1 Một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi bên kia không thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng hoặc khách hàng sử dụng nước không còn nhu cầu sử dụng nước;

8.2 Hợp đồng cấp nước được khôi phục hoặc ký lại sau khi các vướng mắc giữa hai bên đã được giải quyết.

Điều 9: Các thoả thuận khác

9.1 Trường hợp đồng hồ đo nước không phản ánh được chỉ số tiêu thụ do sự cố kỹ thuật hoặc lý do khách quan thì lượng nước sử dụng của bên B được tính theo mức trung bình của 03 tháng liền kề hoặc tính theo định mức đã quy định.

Điều 10: Điều khoản chung

10.1 Các phụ lục kèm theo hợp đồng này có hiệu lực thực hiện như hợp đồng;

10.2 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ, có trách nhiệm các điều khoản đã thống nhất trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng;

10.3 Trường hợp vi phạm một trong các điều khoản của hợp đồng và phụ lục hợp đồng hai bên thống nhất xử lý các lỗi vi phạm theo nội quy, quy chế của Công ty đã ban hành;

10.4 Trong thời gian thực hiện hợp đồng cần thiết thay đổi hoặc bổ sung điều khoản hợp đồng cho phù hợp tình hình thực tế thì hai bên thỏa thuận và ký bổ sung phụ lục hợp đồng, phụ lục hợp đồng có giá trị như hợp đồng;

10.5 Trước khi ký Hợp đồng hai bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật và không bên nào bị ép buộc. Hai bên đã tự đọc kỹ các điều khoản trong hợp đồng và cùng thống nhất ký vào hợp đồng để thực hiện;

10.6 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có vướng mắc hai bên cùng nhau giải quyết. Trong thời gian chờ giải quyết cả hai bên vẫn phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của

hợp đồng đã ký, trường hợp hai bên không thoả thuận được sẽ chuyển đến cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết.

Điều 11: Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng dịch vụ cấp nước có hiệu lực từ ngày được hai bên ký và hết hiệu lực vào ngày 12/10/2061. Hợp đồng được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên lưu 01 bản để thực hiện. / *5/1*

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B
Khách hàng sử dụng nước

PHỤ LỤC SỐ 01 CÓ GIÁ TRỊ KÈM THEO HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC

Số: /HĐCN. Ký ngày tháng năm

PHẦN 1:

THÔNG TIN VỀ KHÁCH HÀNG VÀ VỊ TRÍ ĐẦU NỒI

1. Thông tin về khách hàng sử dụng nước:

Lần ĐK	Ngày đăng ký	Số hộ đầu nối	Số người thực tế	Định mức Cơ bản tạm tính m ³ /tháng	Mục đích sử dụng nước				Ký xác nhận	
					Sinh hoạt	Hành chính sự nghiệp	Kinh doanh Dịch vụ	Sản xuất vật chất	Bên A	Bên B

2. Thông tin về đầu nối:

- Vị trí điểm đầu nối:
- Đồng hồ đo nước DN: Loại:
- Seri: Được đặt tại:
- Sơ đồ mặt bằng:

Ngày tháng năm

Người thực hiện
(Ký, ghi rõ họ tên)

M 

PHẦN 2:
CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ KHI THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC

2.1 Các hành vi bị cấm:

- 2.1.1 Phá hoại các công trình, trang thiết bị cấp nước;
- 2.1.2 Vi phạm các quy định về bảo vệ khu vực an toàn giếng thu, nguồn nước mặt phục vụ cấp nước;
- 2.1.3 Vi phạm các quy định về bảo vệ hành lang an toàn tuyến ống cấp nước, các công trình kỹ thuật và mạng lưới cấp nước;
- 2.1.4 Cản trở các hoạt động kiểm tra, thanh tra hoạt động cấp nước;
- 2.1.5 Trộm cấp nước;
- 2.1.6 Gây ô nhiễm nguồn nước sạch;
- 2.1.7 Cung cấp thông tin không trung thực làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức cá nhân khác trong hoạt động cấp nước;
- 2.1.8 Các hành vi khác vi phạm quy định của pháp luật về cấp nước.

2.2 Điểm đầu nối:

- 2.2.1 Bên A thiết lập các điểm đầu nối vào mạng lưới cấp nước cho bên B; các điểm đầu nối được đặt sát chỉ giới sử dụng đất hoặc chân tường rào công trình bên B;
- 2.2.2 Trường hợp bên B ở quá xa đường ống phân phối và nằm ngoài vùng phục vụ của bên A thì phải có sự thỏa thuận giữa hai bên nhằm đảm bảo quyền lợi kinh doanh của bên A.

2.3 Điểm lắp đặt đồng hồ đo nước:

- 2.3.1 Điểm lắp đặt đồng hồ đo nước được đặt sau điểm đầu nối và nằm ngoài cổng của bên B, bảo đảm thuận tiện cho việc lắp đặt, quản lý, kiểm tra, ghi chỉ số đồng hồ hàng tháng;
- 2.3.2 Bên B chỉ được phép lắp đặt và chịu trách nhiệm về các thiết bị cấp nước sau cụm đồng hồ. Các thiết bị này phải được thiết kế, lắp đặt thích hợp với các thiết bị của đơn vị cấp nước, đảm bảo an toàn, không gây sự cố rủi ro đối với thiết bị của đơn vị cấp nước.

2.4 Tạm ngừng, ngừng dịch vụ cấp nước:

- 2.4.1 *Tạm ngừng dịch vụ cấp nước:*
Bên A tạm ngừng dịch vụ cấp nước cho bên B trong trường hợp:
 - 2.4.1.a Bên B có yêu cầu vì các lý do như: tạm vắng, tạm dừng sản xuất, kinh doanh trong một thời gian nhất định nhưng không cần chấm dứt Hợp đồng dịch vụ cấp nước;
 - 2.4.1.b Bên B không sử dụng nước trong thời gian 06 tháng liên tục không có lý do.
- 2.4.2 *Ngừng dịch vụ cấp nước:*
 - a. Nếu bên B là hộ gia đình sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt:
 - 2.4.2.a.1 Bên A có thể ngừng dịch vụ cấp nước từ điểm đầu nối nếu bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, vi phạm các quy định của hợp đồng sau 03 ngày kể từ khi có thông báo đến bên B về việc ngừng dịch vụ cấp nước;
 - 2.4.2.a.2 Nếu bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán do có lý do khách quan đã được thông báo trước cho đơn vị cấp nước về những lý do trên thì việc ngừng dịch vụ cấp nước sẽ được thực hiện sau 30 ngày kể từ khi có thông báo về việc ngừng dịch vụ cấp nước.
 - b. Nếu bên B là các đối tượng sử dụng khác:
 - 2.4.2.b Đơn vị cấp nước có thể ngừng dịch vụ cấp nước từ điểm đầu nối nếu khách hàng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, vi phạm các quy định của Hợp đồng dịch vụ cấp nước sau 15 ngày làm việc kể từ khi có thông báo về việc ngừng dịch vụ cấp nước.

2.5. Thanh toán tiền nước:

- 2.5.1 Bên B phải thanh toán đủ và đúng thời hạn số tiền nước ghi trong hoá đơn cho bên

A. Phương thức, hình thức, địa điểm thanh toán đã nêu trong Hợp đồng;

2.5.2 Bên B chậm trả tiền nước quá 01 tháng so với thời hạn thanh toán được quy định thì phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả đó cho bên A;

2.5.3 Lãi xuất số tiền chậm theo quy định hiện hành của Ngân hàng mà bên A có tài khoản ghi trong hợp đồng;

2.5.4 Bên B có quyền yêu cầu bên A xem xét lại số tiền nước phải thanh toán. Khi nhận được yêu cầu của bên B, bên A có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn 15 ngày làm việc. Trường hợp không đồng ý với cách giải quyết của bên A, bên B có thể đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tổ chức việc hoà giải, trong trường hợp hoà giải không thành bên B có quyền khởi kiện toà án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Trong thời gian chờ giải quyết bên B vẫn phải thanh toán tiền nước và bên A không được ngừng dịch vụ cấp nước.

2.6 Đo đếm nước:

2.6.1 Thiết bị đo đếm nước phải phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam và được cơ quan có thẩm quyền kiểm định;

2.6.2 Bên A có trách nhiệm tổ chức ghi đúng chỉ số đồng hồ nước theo định kỳ và thông báo kịp thời cho bên B, bên B có quyền kiểm tra, giám sát việc ghi chỉ số đồng hồ của đơn vị cấp nước;

2.6.3 Bên B có trách nhiệm bảo vệ đồng hồ nước đã được lắp đặt và bàn giao; thông báo kịp thời cho bên A khi phát hiện đồng hồ nước bị mất hoặc hỏng.

2.7 Kiểm định thiết bị đo đếm nước:

2.7.1 Đơn vị cấp nước có trách nhiệm tổ chức việc kiểm định thiết bị đo đếm theo đúng yêu cầu và thời hạn do cơ quan quản lý nhà nước về đo lường quy định;

2.7.2 Khi có nghi ngờ thiết bị đo đếm nước không chính xác, khách hàng sử dụng nước có quyền yêu cầu bên A kiểm tra. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu của bên B, bên A phải kiểm tra và hoàn thành việc sửa chữa hoặc thay thế thiết bị đo đếm nước. Trường hợp không đồng ý với kết quả kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế của bên A, bên B có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước tổ chức kiểm định độc lập;

2.7.3 Chi phí kiểm định được quy định như sau:

a/ Trường hợp tổ chức kiểm định độc lập xác định thiết bị đo đếm nước hoạt động theo đúng Tiêu chuẩn Việt Nam thì bên B phải trả phí kiểm định;

b/ Trường hợp tổ chức kiểm định độc lập xác định thiết bị đo đếm nước hoạt động không đúng tiêu chuẩn Việt Nam thì bên A phải trả chi phí kiểm định;

c/ Trường hợp tổ chức kiểm định độc lập xác định chỉ số đo đếm của đồng hồ vượt quá số lượng sử dụng thực tế thì bên A phải hoàn trả khoản tiền thừa cho bên B.

2.8. Quy định các mức xử lý vi phạm hợp đồng:

2.8.1 Lắp đặt nước, sử dụng nước chưa được cấp phép;

2.8.2 Sử dụng nước không qua đồng hồ;

2.8.3 Các hình thức làm sai lệch độ chính xác của đồng hồ;

2.8.4 Làm đứt dây chì, mất niêm phong kẹp chì;

2.8.5 Tự ý dịch chuyển đồng hồ, dịch chuyển đường ống trước đồng hồ;

2.8.6 Tự ý cho và bán nước, sử dụng nước không đúng hợp đồng;

2.8.7 Mất đồng hồ, vỡ đồng hồ.

Tất cả các hình thức vi phạm trên, mức xử lý thực hiện theo đúng quy chế quản lý của Công ty./.

**CÁC SỐ ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỦY LONG**

STT	NỘI DUNG LIÊN HỆ	TÊN ĐƠN VỊ, BỘ PHẬN	SỐ ĐIỆN THOẠI
1	- Đăng ký dịch vụ cấp nước lần đầu.	Phòng Kinh doanh (liên hệ giờ hành chính)	02273.822.559
2	- Đăng ký cấp lại dịch vụ và đồng hồ; - Thay đổi chủ, thay đổi mục đích sử dụng.		
3	- Chất lượng nước kém; - Đường ống cấp nước từ đường ống chính của công ty đến đồng hồ bị sự cố; - Phản ánh ý thức CBCNV của công ty.		
4	- Thông báo sự cố đường ống cấp nước tại đồng hồ; - Cần di chuyển vị trí đồng hồ; - Chỉ số đồng hồ nước tăng đột biến, đồng hồ không chính xác; - Mất hoặc bị đập vỡ, mất niêm phong đồng hồ.	Phòng Kỹ thuật (liên hệ 24/24 giờ)	02273.822.626 0961.056.989
5	- Đường dây nóng.	Cán bộ phụ trách	0967.459.988

M. 4/6